

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị; gắn với Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 11/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn huyện Đam Rông

PHẦN I **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

I. Về công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; gắn với Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 11/12/2019 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 5086/KH-UBND ngày 08/06/2020 của UBND tỉnh. Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đến các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn; nhằm tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó các ban, ngành, địa phương trong huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch, đề ra nhiệm vụ, giải pháp để triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện của đơn vị.

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị gắn với Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 11/12/2019 của Ban Thường vụ tỉnh ủy và Kế hoạch số 5086/KH-UBND ngày 08/06/2020 của UBND tỉnh:

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đến cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị, gắn với Kế hoạch 114-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 5086/KH-UBND của UBND tỉnh bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả, củng cố

vững chắc niềm tin, tạo sự đồng thuận, chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

- Chỉ đạo ngành văn hóa, thông tin thực hiện tuyên truyền, quảng bá, thông tin thời sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng; tạo chuỗi thông tin đậm nét trên hệ thống truyền thông về việc triển khai các công trình, dự án trọng điểm, kết quả nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội, thu ngân sách, thu hút đầu tư ... và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, ...

- Chỉ đạo tạo lập và duy trì tài khoản Zalo nhằm đăng tải, thông tin thường xuyên các nội dung chỉ đạo, điều hành của trung ương, của tỉnh; các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh và của huyện; cảnh báo phòng dịch bệnh, thiên tai; ... đến tất cả các tài khoản người dùng Zalo trên địa bàn huyện. Việc tuyên truyền trên mạng xã hội thông qua các tài khoản mạng xã hội chính thống của các cơ quan, đơn vị đã đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh và kịp thời của nhân dân, nhanh chóng lan toả, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần giữ ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn huyện; kịp thời phát hiện ngăn chặn, xử lý các tin, bài tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước.

2. Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao bằng các đề án, cơ chế, chính sách cụ thể. Chú trọng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong từng ngành, lĩnh vực; ưu tiên đầu tư cho ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Công tác đào tạo nghề luôn được huyện quan tâm, chú trọng và xác định là một trong những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện thu nhập, giảm nghèo bền vững. Theo đó, các nhóm nghề đào tạo được lựa chọn trên cơ sở đảm bảo vừa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương vừa phục vụ cho định hướng phát triển lâu dài. Tính đến năm 2023, đã tổ chức được 28 lớp dạy nghề với 609 học viên; các học viên sau khi được đào tạo, có công ăn việc làm, thu nhập ổn định chiếm khoảng 70% trở lên. Đến cuối năm 2022, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt 33,4% (KHNQ đến năm 2025 đạt 35%).

- Công tác giáo dục tiếp tục có những chuyển biến tích cực; hệ thống, mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất từng bước được đầu tư hoàn chỉnh. Việc dạy và học thực hiện theo đúng chương trình, kế hoạch của ngành. Tính đến nay toàn huyện có 36 trường/525 lớp và 01 Trung tâm GDNN - GDTX; với 17.005 học sinh ở các bậc học (giảm 01 trường, 05 lớp và tăng 1259 học sinh so với năm 2020, có 28/32 trường MN, TH, THCS đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 87,5%; có 1/4 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 25%; (toàn huyện tăng 4 trường đạt chuẩn quốc gia so với năm 2020).

3. Đẩy mạnh cơ cấu nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và theo chuỗi giá trị. Tập trung phát triển các sản phẩm có thế mạnh của huyện. Quản lý chặt chẽ đầu tư công; tập trung nguồn lực cho các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm, có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

3.1. Sản xuất nông nghiệp.

- **Trồng trọt, chăn nuôi:** Tổng sản lượng lương thực ước đạt 17.948,3 tấn, đạt 102,21% KH; trong đó: Thóc 9.131,4 tấn, đạt 103,12% KH; Ngô 8.768,9 tấn, đạt 101,29% KH. Tổng diện tích gieo trồng ước 22.304,8 ha đạt 101,68% so với KH; trong đó: Cây hàng năm 4.549,4 ha đạt 100,81% KH; diện tích cây lâu năm 17.755,4 ha đạt 101,9% so với KH, cụ thể:

+ *Cây lương thực:* Diện tích gieo trồng 3.483,9 ha, đạt 100,69% so với KH và bằng 99,83% so với cùng kỳ.

+ *Cây thực phẩm:* Diện tích gieo trồng 633 ha đạt 109,14% so với KH và bằng 93,78% cùng kỳ. Trong đó, rau thực phẩm 443 ha, năng suất 145 tạ/ha; đậu thực phẩm 190 ha, năng suất 14,5 tạ/ha;

+ *Cây tinh bột lấy củ:* 226 ha, bằng 81,8% KH và tăng 13% so với cùng kỳ, Trong đó: khoai lang 56 ha, năng suất 126,3 tạ/ha; sắn 150 ha, năng suất 212 tạ/ha; khoai sắn 20 ha, năng suất 130 tạ/ha.

+ *Cây có hạt chứa dầu:* 40 ha, tăng 33,3% KH và bằng 44,4% cùng kỳ; hoa 23,5 ha, năng suất 120.000 cành/ha và một số cây trồng khác như: Cỏ chăn nuôi 58 ha, được liệu 41 ha, gừng 29 ha..., đều đạt 100% KH và cùng kỳ.

+ *Cây Cà phê:* diện tích ổn định 12.506,1 ha, đạt 100,85% KH và cùng kỳ (trong đó trồng mới 105 ha, tái canh 650 ha). Diện tích cho sản phẩm: 11.893,8 ha đạt 100% KH và tăng 1,2% so với cùng kỳ, năng suất 31,55 tạ/ha, đạt 100% KH và tăng 1,27% so với cùng kỳ. Sản lượng đạt 37.522,4 tấn.

+ *Cây điều:* diện tích ổn định 293 ha, đạt 100 % KH và cùng kỳ. Diện tích cho sản phẩm: 278 ha đạt 100% KH và cùng kỳ, năng suất 7 tạ/ha, đạt 100% KH và tăng 1,27% so với cùng kỳ. Sản lượng đạt 194,6 tấn.

+ *Cây ăn quả:* diện tích đạt hơn 2.200 ha, đạt 101,35% so với KH (trong đó trồng mới 390 ha). Diện tích cho sản phẩm 990 ha, năng suất 131 tạ/ha, sản lượng đạt 12.969 tấn. Cây ăn quả chủ yếu là sầu riêng, với diện tích trên 1.435 ha (*trồng thuần 795,8 ha, diện tích trồng xen 1.278,3 ha quy ra trồng thuần khoảng 639,2ha*), hiện có 451,8 ha Sầu Riêng đang thu hoạch, năng suất ước đạt 13-15 tấn/ha, sản lượng Sầu Riêng năm 2023 đạt trên 6.500 tấn (trong đó có 213 ha đã được cấp mã số vùng trồng xuất khẩu sang Trung Quốc và 103,7 ha đang hoàn thiện hồ sơ)¹.

¹ Có 213ha sầu riêng được cấp mã số vùng trồng xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc (4 mã thuộc các xã Dạ Rsal và Liêng Srônh)

+ *Cây dâu tằm*: 742,2 ha bằng 92,78% so với KH, tăng 31,4% so với cùng kỳ (trong đó trồng mới 177 ha); diện tích cho sản phẩm 742,2 ha bằng 92,78% so với KH, tăng 20,12% so với cùng kỳ, năng suất 225,5 tạ/ha; sản lượng 16.736,6 tấn, đạt 107,29% so với KH và tăng 40,3% so với cùng kỳ. Đã đưa vào hoạt động nhà máy ương tơ tại xã Đa Rsal, với công suất 4 tấn/ngày, liên kết sản xuất, tiêu thụ, chế biến kén tằm cho hơn 1.000 hộ, giá kén tằm ổn định đã trở thành mô hình sinh kế giảm nghèo hiệu quả của nhiều người dân.

+ *Cây mắc ca*: diện tích 1.582,1ha, đạt 119,04% so với KH, tăng 45,33% so với cùng kỳ (trong đó trồng mới 493,5 ha).

+ *Các cây trồng khác như*: hồ tiêu, cari, chè, ca cao, cao su, diện tích duy trì ổn định 2412 ha.

- ***Chăn nuôi, thủy sản***: Tình hình đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện có xu hướng tăng nhẹ. Tổng đàn gia súc năm 2023 đạt 14.281 con (trong đó chủ yếu là đàn bò và heo), đàn gia cầm 146,7 nghìn con (chủ yếu là gà chiếm trên 80% tổng đàn)². Nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích ao hồ là 175 ha, đạt 98,31% so với KH và bằng 100% so với cùng kỳ. Trong đó diện tích nuôi cá nước lạnh ổn định 9,7 ha, chủ yếu nuôi cá Tầm bằng bể xi măng, ao lót bạt, có phủ lưới che, ... Sản lượng thu hoạch 1.258 tấn, trong đó cá Tầm trên 850 tấn.

- Công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai thường xuyên, liên tục nên trong năm không có dịch bệnh lớn xảy ra; chỉ đạo các ngành chức năng tổ chức phun thuốc tiêu độc khử trùng, tiêm phòng cho đàn gia súc theo đúng KH³; đồng thời, tuyên truyền, hướng dẫn người dân các biện pháp phòng trừ khi có dấu hiệu dịch bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HU: Diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng CNC 960,9ha⁴ (tăng thêm 150,2 ha so với năm 2022) trong đó: nhà kính 28,9ha (tăng thêm 10,4 ha so với năm 2022), chủ yếu trồng rau, hoa khu vực Phi Liêng và Đa K'Nang; 35ha đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ; diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trên 123 ha.

- Phát triển chuỗi liên kết và sản phẩm OCOP:

+ *Phát triển chuỗi liên kết*: Toàn huyện có 15 chuỗi, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản⁵ (tăng thêm 03 chuỗi so với năm 2022), với trên 900 hộ tham gia, sản lượng nông sản qua chuỗi trên 10.000 tấn; trong đó có một số chuỗi hoạt động tương đối hiệu quả và đang mở rộng các liên kết như: chuỗi dâu

² Đàn Trâu: 175 con đạt 109,4 % so với KH và tăng 2,9% so với cùng kỳ; Đàn Bò: 5.872 con đạt 96,6% so với KH, tăng 28,7% cùng kỳ (trong đó, tỷ lệ đàn bò lai cao sản đạt trên 27%). Phòng đã chỉ đạo TTNN và UBND các xã tuyên truyền, phổ biến chương trình phối hợp nhân tạo để đẩy mạnh công tác cải tạo tầm vóc đàn bò địa phương; Đàn heo: 7.976 con, đạt 109,3% so với KH, tăng 45,7 % so với cùng kỳ (trong đó heo thịt 5.536 con); Đàn dê: 258 con, đạt 27,8% so với KH; Đàn gia cầm, thủy cầm là: 146,7 nghìn con đạt 80,2% so với KH và bằng 82% cùng kỳ.

³ Đến nay, đã thực hiện phun thuốc tiêu độc khử trùng định kỳ 04 đợt /8 xã với 1.200 lít hóa chất; thực hiện tiêm phòng vắc xin định kỳ 02 đợt/năm và 01 đợt VDNC trâu bò

Đợt 2: trâu bò 3.200 liều THT và LMLM; heo 2.000 liều 3 bệnh do và 2.000 liều LMLM

⁴ Với các loại cây trồng chính, gồm: rau hoa thương phẩm 76,2 ha; cây ăn quả 875 ha và nuôi cá tầm 9,7ha;

⁵ dâu tằm 02 chuỗi, chuối Laba 02 chuỗi, sản xuất rau thương phẩm 02 chuỗi, sản xuất sầu riêng 01 chuỗi, sản xuất Mắc ca 01 chuỗi, nuôi cá tầm 01 chuỗi, sản xuất và chế biến cà phê 01 chuỗi và 01 chuỗi sản xuất dừa.

tầm Duy Phương xã Đạ Rsal, chuỗi rau hoa công nghệ cao Đạ K'Nàng, chuỗi sản xuất rau thương phẩm Phi Liêng, ...

+ *Sản phẩm OCOP*: Toàn huyện có 10 sản phẩm (*tăng thêm 04 sản phẩm so với năm 2022*), hiện đang xem xét công nhận thêm 09 sản phẩm (*dự kiến xét đợt 2 cuối tháng 11*). Cuối năm 2023 toàn huyện có 19 sản phẩm OCOP.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản: Tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản trong 05 năm qua là: 1.466.419 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2020, kế hoạch vốn đầu tư công là: 271.241, đầu tư xây dựng 160 công trình, gồm: 95 công trình chuyển tiếp, 01 dự án khoa học công nghệ, 59 công trình khởi công xây dựng mới, 05 công trình thu hồi vốn; giải ngân được 236.796 triệu đồng, đạt 87,30% kế hoạch vốn;

- Năm 2021, kế hoạch vốn đầu tư công là: 307.247 triệu đồng, đầu tư xây dựng 141 công trình, gồm: 06 công trình trả nợ, 51 công trình chuyển tiếp, 79 công trình khởi công xây dựng mới, 06 dự án thu hồi vốn ứng trước; giá trị giải ngân được 274.296 triệu đồng; đạt 89,28% kế hoạch vốn;

- Năm 2022, kế hoạch vốn đầu tư công là: 323.664 triệu đồng, đầu tư xây dựng 141 công trình, gồm: 06 công trình trả nợ; 51 công trình chuyển tiếp; 79 công trình khởi công xây dựng mới, 06 dự án thu hồi vốn ứng trước; giải ngân được 296.393 triệu đồng, đạt 91,57% kế hoạch vốn.

- Năm 2023, kế hoạch vốn đầu tư công là: 329.375 triệu đồng, đầu tư 122 công trình, dự án; giá trị giải ngân được 301.048 triệu đồng; đạt 91,40% kế hoạch vốn được giao.

- Năm 2024, kế hoạch vốn đầu tư công là: 234.892 triệu đồng, đầu tư 122 công trình, dự án; tính đến ngày 28/01/2024, giải ngân được 43.852 triệu đồng, đạt tỷ lệ 18,67% kế hoạch vốn; ước đến ngày 31/12/2024, giải ngân đạt 95% kế hoạch vốn được giao.

3.3 Dự án, công trình trọng điểm

- Đối với 08 công trình trọng điểm giai đoạn 2015-2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020-2025. Đến nay, đã có 04⁶ công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; còn lại 04 công trình, dự án (*trong đó có 02 dự án thu hút đầu tư*) đang tiếp tục triển khai thực hiện. Đối với công trình trọng điểm, dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, là 18 công trình, dự án; đến nay, có 10 dự án đang triển khai; dự kiến năm 2024, có 03 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng và 07 dự án đang tiếp tục triển khai thực hiện; còn lại 08 công

6. Công trình nước sạch xã Đạ Rsal; Trường THCS Bằng Lăng (Nay là trường THCS Võ Nguyên Giáp) - Hạng mục: XD 08 phòng học; Đập thủy lợi Bằng Lăng và Nâng cấp đường ĐT724 đoạn từ Km64+509 đến Km71+170.

trình, dự án đã lập và nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, tuy nhiên, đến nay chưa được thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Đối với các dự án thu hút đầu tư là 13 dự án, đến nay đã có 02 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, 07 dự án đang triển khai thực hiện; còn 04 dự án chưa triển khai do chưa có nhà đầu tư quan tâm đến dự án, gồm; Khu du lịch sinh thái thác Bảy Tầng; Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men; Xây dựng sân Golf, làng đô thị xanh ven hồ và du lịch sinh thái rừng trên địa bàn xã Đa Tông, huyện Đam Rông; Cụm công nghiệp Liêng Srônh.

4. Đổi mới nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch theo hướng dẫn của tỉnh. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh và lập mới các quy hoạch chi tiết, quy hoạch có tính chất chuyên ngành, kỹ thuật. Đây mạnh cải cách hành chính; nâng cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ các cấp. Tích cực thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống tham nhũng, góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Hoàn thành đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2040 và đã được UBND tỉnh phê duyệt; đang hoàn thành đồ án Quy hoạch chung Thị trấn Đa Rsal (dự kiến) gửi Sở Xây dựng thẩm định; Quy hoạch chung thị trấn Bằng Lũng đã được HĐND huyện thông qua, hiện đang tiếp tục hoàn thiện gửi Sở Xây dựng thẩm định. Chỉ đạo lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 các dự án khu dân cư: Đa Tông, Đa Rsal, Phi Liêng, hồ sơ đã được Sở Xây dựng góp ý và đang hoàn thiện để phê duyệt. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng NTM 08/08 xã.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước; nghiên cứu để nắm bắt cơ hội, tận dụng thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để áp dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Chỉ đạo triển khai các kế hoạch, chương trình, đề án liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, nghiên cứu, phát triển nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế, vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm giảm chi phí đầu tư, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn vật lực

a). Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường; đến nay, đã hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Trong thời gian quan, toàn huyện cấp mới 3170 giấy CNQSD đất với tổng diện tích 1670.26 ha; giải quyết 969 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 19.78 ha; giao đất tái định cư cho 16 hộ gia đình cá nhân với tổng diện tích 3.4236m².

- Công tác quản lý đất đai là nhiệm vụ quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, qua đó từng bước nâng cao nhận thức của người dân, sử dụng đất đai ngày càng hiệu quả. Công tác thu ngân sách từ đất đai luôn được UBND huyện quan tâm và chú trọng hàng năm đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Hàng năm, đều thành lập các đoàn kiểm tra, ngăn chặn, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, đã tổ chức hơn 250 đợt kiểm tra; thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các điểm khai thác trái phép cát, đá, sỏi làm vật liệu xây dựng. Đến nay tình hình khai thác khoáng sản trái phép đã giảm đáng kể, hạn chế điểm nóng xảy ra.

- Lĩnh vực bảo vệ môi trường tiếp tục được quan tâm trên các lĩnh vực như: khai thác nguồn nước dưới lòng đất, sây, sơ chế nông sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đặc biệt là các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; duy trì tổ chức các dịp hưởng ứng như: chiến dịch giờ trái đất, tuần lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới xanh, sạch hơn, ...

b). Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

**** Cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính:***

- Để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp phát triển, an tâm hoạt động sản xuất kinh doanh; UBND huyện đã tổ chức các Hội nghị đối thoại, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp trên địa bàn, phổ biến các chính sách mới và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực, kịp thời giải quyết vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp;

- Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025, văn bản số 7983/UBND-KH1 ngày 19/10/2022 về việc đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 ban hành Hướng dẫn trình tự thực hiện dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh nhằm kêu gọi đầu tư, hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện cho nhà đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình thu hút đầu tư, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và nâng cao chất lượng các hoạt động xúc tiến đầu tư. Hiện nay, trên địa bàn có 13 dự án thu hút đầu tư; trong đó: 02 dự án đã hoàn thành; 07 dự án đang triển khai thực hiện và 04 dự án chưa triển khai do chưa có nhà đầu tư.

**** Về hạ tầng giao thông:***

- Hệ thống hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện; đến nay toàn huyện có 693,216 km đường bộ, trong đó: 100% các xã đạt chuẩn về giao thông theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại trong

việc tổ chức xây dựng, khai thác và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng giao thông; tăng cường công tác tư vấn, giám sát độc lập nhằm nâng cao chất lượng công trình; kiểm soát chặt chẽ suất đầu tư, rút ngắn tiến độ thực hiện để đưa vào quản lý, sử dụng và khai thác có hiệu quả.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025 (trong đó áp dụng cơ chế huy động tối đa nguồn lực của nhân dân) nhằm phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng tập trung ưu tiên phát triển hệ thống đường bộ có tính chất thông thương, đối ngoại, liên kết vùng; tiếp tục nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn; thực hiện Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện theo hướng thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiềm chế tai nạn giao thông, phấn đấu giảm số người chết vì tai nạn giao thông hàng năm.

7. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài lực.

a) Thu. chi ngân sách.

- Tổng thu ngân sách giai đoạn 2020-2023 đạt 400.667 triệu đồng, trong đó: thu từ thuế phí đạt 244.554 triệu đồng. Thực hiện các chính sách thu gắn với cơ cấu thu ngân sách nhà nước, bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là nguồn thu mới theo đúng quy định; giao nhiệm vụ thu ngân sách cho các địa phương phù hợp tình hình và khả năng thực tế; ngăn chặn và xử lý tình trạng trốn thuế, thất thu và nợ thuế. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án “Nâng cao hiệu quả quản lý thu NSNN giai đoạn 2021-2025” và các đề án quản lý thu thuế trong các lĩnh vực khác; thực hiện quản lý thu đúng, thu đủ và kịp thời vào ngân sách nhà nước; kết quả tăng trưởng lĩnh vực thuế phí giai đoạn 2020-2023 đạt tỷ lệ khá cao; tạo nguồn lực để đảm bảo các nhiệm vụ chi thường xuyên, đầu tư các công trình trọng điểm của địa phương.

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2020-2023 đạt 1.712.110 triệu đồng; trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 263.764 triệu đồng, chi thường xuyên đạt 1.448.346 triệu đồng. Việc phân bổ nguồn vốn ngân sách cho các dự án, công trình giai đoạn 2020-2023 đã được thực hiện tập trung, không bố trí vốn dàn trải đã góp phần sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quản lý chi ngân sách địa phương cơ bản đảm bảo chi theo dự toán được giao; các cấp, các ngành và đơn vị đã nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; tổ chức điều hành nhiệm vụ chi ngân sách bám sát theo dự toán, phù hợp với nhiệm vụ được giao, tiến độ thu và khả năng thu của một số nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển. Quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách, nguồn kinh phí cải cách tiền lương chặt chẽ đúng mục đích.

- Công tác lập dự toán hàng năm đã tuân thủ tiêu chí giảm chi thường xuyên để tăng chi cho đầu tư; đồng thời từng bước tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định, tăng mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên các đơn vị.

b). Vốn đầu tư công.

- Triển khai hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, từ đó tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra. Kết quả trong giai đoạn từ 2020 đến 2023, đã thực hiện giải ngân 1.108.533 triệu đồng vốn đầu tư công. Chỉ đạo việc lập kế hoạch giải ngân hàng năm và phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện của từng dự án; tập trung theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; kịp thời xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc; rà soát các dự án khởi công mới, đôn đốc các đơn vị chủ động và khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai ngay dự án khi được bố trí vốn; yêu cầu các chủ đầu tư dự án xây dựng bảng tiến độ thi công, lộ trình giải ngân vốn cụ thể của từng dự án theo từng tuần, tháng, quý; bám sát tiến độ để tập trung chỉ đạo, đôn đốc trong quá trình triển khai thực hiện để đảm bảo đúng tiến độ của dự án; hàng năm, lấy kết quả giải ngân để đánh giá thi đua của các đơn vị.

- Nhiều công trình đã và đang hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp - nông thôn và bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự trên địa bàn toàn huyện, hoàn thành nhiều dự án giao thông trọng điểm, có tính chất lan tỏa, kết nối các vùng. Công tác đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi được đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện; các công trình hồ chứa nước, công trình thủy lợi xuống cấp, hư hỏng được quan tâm sửa chữa, đặc biệt các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiêu tiết kiệm được quan tâm đầu tư phát triển nhất là đối với các khu vực xa công trình thủy lợi tập trung qua đó cơ bản đảm bảo nguồn nước tưới cho các khu sản xuất.

c). Quản lý thuế, phí.

- Chỉ đạo triển khai công tác quản lý nợ thuế; cưỡng chế nợ thuế; đôn đốc thu nợ; công tác hoàn thuế; tăng cường phòng chống gian lận thương mại, chuyển giá, gian lận thuế theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước và phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, thuế, hóa đơn. Triển khai thu tiền sử dụng đất theo từng tháng, quý để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển và tiến độ thực hiện dự toán đề ra ngay từ đầu năm; kịp thời rà soát điều chỉnh đơn giá thuê đất đối với các trường hợp đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất, các trường hợp vướng mắc về đơn giá thuê đất; xử lý dứt điểm hồ sơ ưu đãi tiền thuê đất, ban hành thông báo nghĩa vụ tài chính, đôn đốc thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Chỉ đạo triển khai hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền để quản lý doanh thu bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng: Xăng dầu, dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn, bán lẻ thuốc tân dược, dịch vụ vui chơi, giải trí,... Kiểm soát kịp thời việc sử dụng hóa đơn của hộ kinh doanh, doanh thu người bán, chi phí đầu vào người mua, chống gian lận hóa đơn, kê khai sai, kiên quyết đấu tranh không để phát sinh tình trạng hộ kinh doanh là nơi hợp thức hàng hóa không nguồn gốc.

- Tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu phát sinh trên địa bàn; kiên quyết xử lý các trường hợp có kinh doanh nhưng không thực hiện việc kê khai nộp thuế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về kết quả đạt được.

- Các cấp, các ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan đã nghiêm túc quán triệt, bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị; gắn với Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 11/12/2019 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 5086/KH-UBND ngày 08/06/2020 của UBND tỉnh; chủ động xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các chủ trương, chính sách. Các định hướng, nhiệm vụ, kế hoạch về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế được các ban, ngành, địa phương triển khai quyết liệt, đồng bộ với tinh thần, quyết tâm chính trị cao, nỗ lực phấn đấu đạt hiệu quả cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Lâm Đồng nói chung.

- Công tác quản lý, khai thác và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, sử dụng ngân sách được triển khai nghiêm túc; công tác tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý được triển khai có hiệu quả, sử dụng tiết kiệm và không gây lãng phí các tài sản được cấp phát, sử dụng đúng mục đích, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước. Chi ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định và dự toán được giao đầu năm; tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi không cần thiết để tập trung nguồn lực chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách.

- Trong các năm 2021 - 2022, thực hiện “mục tiêu kép” vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh; trong năm 2022-2023, thực hiện quyết liệt các giải pháp phục hồi kinh tế nhanh, phát triển toàn diện, bền vững; tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; qua đó, hầu hết các ngành, lĩnh vực phục hồi nhanh và đạt mức tăng trưởng khá.

- Giải ngân vốn đầu tư công được quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt; trong đó, kiểm soát chặt chẽ việc phân bổ nguồn lực đầu tư công, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, không hiệu quả; tập trung đầu tư các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, ... nhằm phục vụ phát triển sản xuất, thu hút đầu tư. Tiến độ thực hiện các công trình, dự án có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo theo tiến độ đề ra.

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản tiếp tục phát triển, khẳng định vai trò trụ đỡ nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; công tác quản lý bảo vệ rừng có nhiều chuyển biến tích cực; số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, diện tích rừng bị thiệt hại, khối lượng lâm sản thiệt hại mỗi năm đều giảm.

- Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục thực hiện tốt theo kế hoạch; giáo dục, đào tạo được nâng cao, quy mô trường lớp học được đầu tư hoàn thiện; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được đảm bảo, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát hiệu quả, hạn chế số ca tử vong do dịch bệnh, tiến độ tiêm vắc xin được đẩy nhanh, hoàn thành bao phủ vắc xin cho cho đối tượng; triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, các đối tượng yếu thế, người nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số, ... theo đúng quy định. Khoa học và công nghệ ngày càng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác cải cách hành chính được triển khai hiệu quả; cải thiện điểm số, công tác tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ thực hiện theo đúng quy định. Quốc phòng an ninh được giữ vững, tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát huy các nguồn lực kinh tế là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích các nguồn lực góp phần tiết kiệm ngân sách; tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển.

- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất đã có chuyển hướng tích cực phục vụ sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nhằm sản xuất ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sử dụng hợp lý nguyên, vật liệu; hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng; tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trên thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất về ô nhiễm môi trường.

2. Tồn tại, hạn chế.

- Kinh tế tiếp tục phát triển nhưng chưa ổn định và thiếu bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của huyện.

- Công tác quản lý và thực hiện đầu tư công vẫn còn một số bất cập; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt 100% kế hoạch vốn được giao; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án thực hiện chậm, ảnh hưởng đến tiến độ

thi công và giải ngân kế hoạch vốn; một số dự án đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; do đó, việc bố trí kế hoạch vốn để triển khai, thực hiện công trình, dự án còn gặp nhiều khó khăn. Một số dự án thu hút đầu tư đến nay chưa có nhà đầu tư quan tâm để triển khai dự án.

- Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, khai thác khoáng sản; quản lý, bảo vệ rừng tuy đã được chỉ đạo và thực hiện quyết liệt nhưng diễn biến phức tạp, các vụ việc phá rừng, lấn chiếm đất rừng vẫn còn xảy ra; công tác quản lý, điều hành của một số cơ quan hành chính, chính quyền một số địa phương có lúc, có nơi còn lúng túng, hiệu quả chưa cao, thiếu chủ động trong việc dự báo tình hình, tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế gắn với Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 11/12/2019 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 5086/KH-UBND ngày 08/06/2020 của UBND tỉnh, Huyện ủy tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

I. Về nguồn nhân lực.

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Đổi mới việc đánh giá, tuyển chọn, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức và có chính sách đãi ngộ nhằm phát hiện, thu hút những người có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực tham gia vào hoạt động công vụ. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo.

2. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các ban, ngành; sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, năng lực, đạo đức lối sống trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

II. VỀ NGUỒN LỰC.

1. Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- **Tài nguyên đất và tài nguyên rừng:** Tiếp tục chỉ đạo rà soát đề xuất sửa đổi thủ tục hành chính trong quản lý đất đai, theo hướng bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận tiện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc thẩm định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường và đúng quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng để duy trì độ che phủ rừng trên địa bàn huyện trên 63,67%; triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng.

- Thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản. Chuyển mạnh từ sản xuất hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nông nghiệp.

- **Tài nguyên nước:** Tiếp tục chỉ đạo rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện cơ chế, chính sách về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; thực hiện các giải pháp sử dụng tiết kiệm các nguồn nước, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước.

- **Tài nguyên khoáng sản:** Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trái phép. Nâng cao trách nhiệm trong quản lý khoáng sản và phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

2. Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 07/NQ-TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; ưu tiên kế hoạch vốn cho các công trình, dự án trọng điểm, các ngành, lĩnh vực then chốt, có sức lan tỏa lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, để tập trung đầu tư cho các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng đảm bảo tính đồng bộ, tính kết nối. Quản lý chặt chẽ đầu tư công, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng; kiểm soát chặt chẽ suất đầu tư, rút ngắn tiến độ thực hiện để đưa vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất lãng phí.

3. Đối với nguồn tài lực.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính, ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu và nợ đọng thuế.

- Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển đổi, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên.

- Chỉ đạo thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và nhiệm vụ an ninh quốc phòng địa phương.

- Xây dựng phương án giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hóa đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu: VP Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đa Cát K' Hương